

Bản án số: 234/2020/HSPT

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

“Thái Trang Phương T đb –
Buôn bán, tàng trữ hàng cấm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 833/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Thái Trang Phương T và 03 bị cáo khác do bị cáo kháng cáo và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Bị cáo có kháng cáo: Thái Trang Phương T, sinh ngày 26/4/1976 tại tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: 971/3 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố H; Nơi cư trú: 015 đường số 30, Phường 10, Quận 6, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Thái Trung Thu (chết) và bà Trang Hương; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Công an Quận 5 và Công an Quận 10, Thành phố H bắt 03 lần đều về hành vi mua bán hàng cấm vào các ngày 15/12/1993, 09/5/1996 và 22/02/1997; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng nghị: Lê Thị Thu T¹, sinh ngày 19/02/1974 tại tỉnh Tiền Giang; Thường trú: 945/1 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Lê Văn Ba và bà Nguyễn Chi Kim; Chồng Cù Minh Bảo, có 02 con sinh năm 1994 và 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: Nguyễn Tấn T², sinh ngày 13/9/1979 tại Thành phố H; Thường trú: 361/19/39F Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Buôn Bán; Con ông Nguyễn Văn Lắm và bà Trần Thị Đàm; Vợ Nguyễn Thị Thu Duyên, có 02 con sinh năm 2000 và 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: Trần Quốc T³ (Tên gọi khác: C), sinh ngày 17/8/1973 tại Thành phố H; Thường trú: 51F/2 Hoàng Sỹ Khải, Phường 14, Quận 8, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn Công và bà Trần Thị Quan; Vợ Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, có 02 con sinh năm 2005 và 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 94/HSST ngày 19/5/1997 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố H phạt 04 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Hủy hoại tài sản công dân*”. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Đức T⁴ không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 03 giờ ngày 19/01/2019, tại kho số 338 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H, Công an bắt quả tang xe ô tô Toyota Inova biển số 51F-429.86 do Nguyễn Đức T⁴ điều khiển đang bốc dỡ thuốc lá điều nhập lậu, thu giữ 14.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 1.900 bao thuốc lá hiệu Hero. T⁴ khai nhận bắt đầu khoảng 02 tháng trước khi bị bắt đã mua thuốc lá điều của người phụ nữ tên Hùng người Campuchia không rõ lai lịch tại cửa khẩu Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An mang về bán lại cho Thái Trang Phương T để kiếm lời. T⁴ tự lái xe, sử dụng biển số giả dán đề lên biển số thật để vận chuyển thuốc lá từ Long An về giao cho T tại các kho hàng ở Thành phố H do T chỉ định. Lần này T⁴ vận chuyển thuốc lá đến kho 338 Bến Bình Đông để giao hàng cho người phụ nữ tên T¹, kho hàng người đàn ông tên T² mở cửa, khi đang xuống hàng thì bị bắt. Xe ô tô bị cáo thuê của Công ty TNHH TMDV vận tải Toàn Thịnh nói là đi thăm người nhà nhưng bị cáo sử dụng vận chuyển thuốc lá.

Khám xét kho 338 Bến Bình Đông của Nguyễn Tấn T² thu giữ trong 02 phòng của kho có 14.700 bao thuốc lá điều nhập lậu và khám xét nhà số 2B Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8 của Trần Quốc T³ thu giữ 14.650 bao thuốc lá điều nhập lậu các hiệu Jet, Hero, Scott.

Lê Thị Thu T¹ khai nhận được Thái Trang Phương T thuê làm quản lý và kiểm đếm thuốc lá nhập lậu tại kho 338 Bến Bình Đông và kho 2B Mễ Cốc đều do T thuê kho, trả tiền thuê kho nhưng T¹ là người đứng tên hợp đồng thuê kho. Hàng ngày kho 338 Bến Bình Đông có khoảng 02 chuyến xe ô tô 07 chỗ chở thuốc lá đến và kho 2B Mễ Cốc có 01 chuyến xe đưa hàng về, mỗi xe chở khoảng 15.000 bao thuốc lá. T¹ nhận hàng và kiểm đếm xong thì điện thoại báo cho T biết, sau đó có nhiều người chạy xe mô tô đến chở thuốc lá đi tiêu thụ hết trong ngày. T¹ được T trả công nhật 200.000 đồng/ngày. Số thuốc lá 14.700 bao trong 02 phòng kho 338 Bến Bình Đông được đưa vào kho lúc 00 giờ 45 ngày 19/01/2019 do Nguyễn Đức T⁴ điện thoại báo cho T¹ nhận hàng, T¹ điện cho T² mở cổng đem cất vào kho. Khoảng 4 giờ ngày 19/01/2019 T¹ đến kho 338 Bến Bình Đông để kiểm đếm số lượng cả 02 chuyến hàng thì bị phát hiện.

Nguyễn Tấn T² khai nhận T² thuê lại kho 338 Bến Bình Đông từ năm 2014, đến ngày 15/11/2018 cho Thái Trang Phương T và Lê Thị Thu T¹ thuê lại một phần kho giá 5.000.000 đồng/tháng. T¹ đứng tên hợp đồng thuê nhưng T là người trả tiền thuê kho. Kho dùng để chứa thuốc lá điều nhập lậu. Thỉnh thoảng T cho thêm T² 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để T² mở cổng cho tài xế chạy xe vào giao hàng. Mỗi ngày có khoảng 02 chuyến xe 07 chỗ chở hàng đến kho. Bị cáo biết rõ hàng là thuốc lá điều nhập lậu nhưng vì khó khăn cần tiền tiêu xài nên đã đồng ý cho T thuê kho chứa thuốc lá điều nhập lậu.

Trần Quốc T³ khai đã thuê căn nhà số 02B Mễ Cốc đến giữa tháng 11/2008 thì cho Thái Trang Phương T thuê lại một phần giá 6.000.000 đồng/tháng để cất giấu thuốc lá điều nhập lậu. Hàng ngày có khoảng 01 xe ô tô 07 chỗ chở thuốc lá đến cất giấu, sau đó có nhiều người chạy mô tô đến chở đi hết. Số 14.650 bao thuốc lá điều công an thu giữ trong kho là của T. Bị cáo biết tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm nhưng vì khó khăn cần tiền chữa bệnh cho cha vợ nên đã đồng ý cho T thuê kho chứa thuốc lá điều nhập lậu.

Thái Trang Phương T khai nhận là người thuê kho 338 Bến Bình Đông và kho 02 B Mễ Cốc để cất giấu thuốc lá điều nhập lậu và làm nơi giao hàng đi tiêu thụ. T thuê T¹ quản lý 02 kho và kiểm đếm thuốc lá, giao nhận hàng. Bị cáo mua thuốc lá trôi nổi của nhiều người để bán lại kiếm lời, hàng ngày có khoảng 03 chuyến xe ô tô 07 chỗ đến giao hàng. Toàn bộ số thuốc lá công an đã thu giữ là của bị cáo.

Kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của các bị cáo Thái Trang Phương T, Nguyễn Đức T⁴, Lê Thị Thu T¹, Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³ thể hiện nhật ký cuộc gọi có sự liên lạc với nhau trong thời gian thực hiện tội phạm.

Công văn số 30A/CV-2019 HHTLVN ngày 24/02/2019 của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam kết luận 45.750 bao thuốc lá điều gồm nhãn hiệu Jet, Hero, Scott là thuốc lá điều nhập lậu.

Tại Bản cáo trạng số 308/CTr-VKSTPHCM-P3 ngày 05/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đã truy tố Thái Trang Phương T, Lê Thị Thu T¹, Nguyễn Đức T⁴ về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³ về tội “*Tàng trữ hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

1. Áp dụng điểm b khoản 3 khoản 5 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Thái Trang Phương T 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019.

Phạt bị cáo Thái Trang Phương T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T¹ 06 (Sáu) năm tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019.

3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

3.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T² 06 (Sáu) năm tù về tội “*Tàng trữ hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019.

3.2. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T³ 05 (Năm) năm tù về tội “*Tàng trữ hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức T⁴ 08 năm tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”; quyết định về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 27/11/2019, 28/11/2019, 29/11/2019 các bị cáo: Thái Trang Phương T, Trần Quốc T³, Nguyễn Tấn T² có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có Quyết định số 64/QĐ-VKS-P3 ngày 28/11/2019 kháng nghị phúc thẩm đề nghị không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Thu T¹, Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Thái Trang Phương Thảo khai nhận bị cáo có thực hiện hành vi mua bán thuốc lá điều nhập lậu bị bắt giữ 45.750 bao như bản án sơ thẩm đã xử là không oan, nhưng hình phạt đối với bị cáo là quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ.

Bị cáo Nguyễn Tấn T² khai nhận vì cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã cho bị cáo T thuê kho để cất giấu thuốc lá điều nhập lậu, bị bắt quả tang tại kho của bị cáo 31.100 bao như bản án sơ thẩm đã xử là không oan, nhưng hình phạt đối với bị cáo là quá nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già, con nhỏ và cũng không biết làm như vậy là bị phạt tù, nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ và đề nghị không tăng hình phạt như kháng nghị.

Bị cáo Trần Quốc T³ khai nhận vì cần tiền để chữa bệnh cho cha vợ nên bị cáo đã cho bị cáo Thảo thuê kho để cất giấu thuốc lá điều nhập lậu, bị bắt quả tang tại kho của bị cáo 14.650 bao như bản án sơ thẩm đã xử là không oan, nhưng hình phạt đối với bị cáo là

quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ và đề nghị không tăng hình phạt như kháng nghị.

Bị cáo Lê Thị Thu T¹ khai nhận bị cáo được bị cáo T thuê làm quản lý và kiểm đếm thuốc lá điều nhập lậu, bị bắt quả tang ở 02 kho với tổng số là 45.750 bao như bản án sơ thẩm đã xử là không oan nên bị cáo không kháng cáo. Bị cáo chỉ là người làm công cho bị cáo T nên bị cáo xin xem xét không tăng hình phạt như kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của luật tố tụng hình sự; đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Thái Trang Phương T và Lê Thị Thu T¹ phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 190; bị cáo Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³ phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Thái Trang Phương T. Các bị cáo Lê Thị Thu T¹, Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³ đều phạm tội với số lượng hàng cấm gấp nhiều lần định lượng của khung hình phạt và không có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo này ở mức khởi điểm và dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không đúng, không có tác dụng giáo dục, răn đe tội phạm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T¹ tù từ 08 đến 09 năm, Nguyễn Tấn T² tù từ 07 đến 08 năm và Trần Quốc T³ tù từ 06 đến 07 năm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Thái Trang Phương T, Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³ và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Thái Trang Phương T thuê bị cáo Lê Thị Thu T¹ quản lý, kiểm đếm và thuê kho của bị cáo Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³ cất giữ thuốc lá điều nhập lậu. Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³ biết là thuốc lá điều nhập lậu nhưng vẫn đồng ý cho thuê kho để cất giấu, đến ngày 19/01/2019 thì bị bắt quả tang 45.750 bao thuốc lá điều nhập lậu các hiệu Jet, Hero, Scott. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Thái Trang Phương T và Lê Thị Thu T¹ phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 190; Các bị cáo Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³ phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên cần phải xử phạt nghiêm.

3.1. Bị cáo Thái Trang Phương T là người mua bán hàng cấm với số lượng hơn 10 lần định lượng của khung hình phạt quy định tù từ 08 đến 15 năm. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo có quá trình nhân thân không tốt, đồng thời cũng đã cân nhắc bị cáo thành khẩn khai báo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đã xử phạt bị cáo 13 năm tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

3.2. Bị cáo Lê Thị Thu T¹ tuy là người làm công, phạm tội với vai trò là đồng phạm, nhưng bị cáo giữ vai trò chỉ sau bị cáo T vì bị cáo là người quản lý xuất nhập và kiểm đếm hàng cấm hàng ngày ở cả hai kho. Bản án sơ thẩm đánh giá bị cáo giữ vai trò hạn chế để áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự là chưa đúng tính chất nguy hiểm hành vi của bị cáo.

Tuy bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, quá trình nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, nhưng bị cáo là đồng phạm tích cực phạm tội với số lượng hàng cấm hơn 10 lần định lượng của khung hình phạt, nhưng bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không đảm bảo tác dụng phòng chống loại tội phạm này.

3.3. Bị cáo Nguyễn Tấn T² biết rõ bị cáo T thuê kho để cất giữ thuốc lá điều nhập lậu nhưng bị cáo vẫn cho thuê kho tàng trữ 31.100 bao thuốc lá điều nhập lậu, gấp hơn 6 lần định lượng của khung hình phạt quy định từ 05 năm đến 10 năm. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 mà không nêu ra được tình tiết giảm nhẹ nào và đã xử phạt bị cáo 06 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

3.4. Bị cáo Trần Quốc T³ biết rõ bị cáo T thuê kho để cất giữ thuốc lá điều nhập lậu nhưng bị cáo vẫn cho thuê kho tàng trữ 14.650 bao thuốc lá điều nhập lậu, gấp hơn 3 lần định lượng của khung hình phạt quy định từ 05 năm đến 10 năm. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 mà không nêu ra được tình tiết giảm nhẹ nào và đã xử phạt bị cáo 05 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

3.5. Các bị cáo Lê Thị Thu T¹, Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³ phạm tội rất nghiêm trọng nên tình tiết phạm tội lần đầu không thuộc trường hợp áp dụng để làm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H là có cơ sở cần chấp nhận và không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Trang Phương T, Nguyễn Tấn T² và Trần Quốc T³.

[4] Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T⁴; về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Thái Trang Phương T, Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³; Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 446/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H về hình phạt.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 khoản 5 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Thái Trang Phương T phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Thái Trang Phương T 13 (*Mười ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Thái Trang Phương T phải nộp số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T¹ phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T¹ 08 (*Tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T² phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T² 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T³ phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T³ 06 (*Sáu*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Mỗi bị cáo: Thái Trang Phương T, Nguyễn Tấn T², Trần Quốc T³ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*)/bị cáo.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T⁴; về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- Viện Trưởng VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
- Công an thành phố H;
- Các Sở Tư pháp TP.H; Sóc Trăng; Tiền Giang; Đồng Tháp;
- Cục THADS TP.H;
- Trại tạm giam Công an TP.H
(Trại tạm giam Công an TP.H tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

